

DANH SÁCH THU TIỀN

Đợt 1 tháng 11/2025 - Lớp: B 1

STT	Mã học sinh	Họ và tên	Thông tin khác	Bán trú		Tiền ăn bán trú			Sữa học đường			Tổng số tiền của đợt	Tiền thừa được trừ	Số đã thu của đợt	Số còn phải thu	Ghi chú
				SL	Thành tiền	Đăng ký	Tồn sd	Số tiền	Đăng ký	Tồn sd	Số tiền					
1	NAN011900966	Võ Nguyễn Minh Anh		1	110.000	17		340.000	16		86.400	536.400			536.400	
2	NAN011900967	Nguyễn Thị Quỳnh Anh		1	110.000	17		340.000	16		86.400	536.400			536.400	
3	NAN011900968	Nguyễn Thị Ngọc Ánh		1	110.000	17		340.000	16		86.400	536.400			536.400	
4	NAN011900969	Nguyễn Đức Anh		1	110.000	12		240.000				350.000			350.000	
5	NAN011900970	Nguyễn Đức Hoàng Bách		1	110.000	13		260.000	16		86.400	456.400			456.400	
6	NAN011900971	Thạch Khánh Chi		1	110.000	17		340.000	16		86.400	536.400			536.400	
7	NAN011900972	Đậu Việt Chiến		1	110.000	17		340.000	16		86.400	536.400			536.400	
8	NAN011900973	Nguyễn Thị Hải Hậu		1	110.000	17		340.000	16		86.400	536.400			536.400	
9	NAN011900974	Nguyễn Thanh Phúc Hưng		1	110.000	16		320.000	15		81.000	511.000			511.000	
10	NAN011900975	Nguyễn Thanh Hương		1	110.000	17		340.000	16		86.400	536.400			536.400	
11	NAN011900976	Cao Gia Huy		1	110.000	17		340.000				450.000			450.000	
12	NAN011900977	Trần Mậu Gia Khánh		1	110.000	14		280.000	13		70.200	460.200			460.200	
13	NAN011900978	Vũ Công Kiên		1	110.000	17		340.000	16		86.400	536.400			536.400	
14	NAN011900979	Lê Khánh Linh		1	110.000	17		340.000				450.000			450.000	
15	NAN011900980	Vũ Hương Ly		1	110.000	12		240.000	11		59.400	409.400			409.400	
16	NAN011900981	Nguyễn Thế Nhật Minh		1	110.000	17		340.000	16		86.400	536.400			536.400	

STT	Mã học sinh	Họ và tên	Thông tin khác	Bán trú		Tiền ăn bán trú			Sữa học đường			Tổng số tiền của đợt	Tiền thừa được trừ	Số đã thu của đợt	Số còn phải thu	Ghi chú
				SL	Thành tiền	Đăng ký	Tồn sd	Số tiền	Đăng ký	Tồn sd	Số tiền					
17	NAN011900982	Nguyễn Thị Huyền My		1	110.000	17		340.000	16		86.400	536.400			536.400	
18	NAN011900983	Chu Thảo Nhi		1	110.000	9		180.000	14		75.600	365.600			365.600	
19	NAN011900984	Cao Quỳnh Như		1	110.000	17		340.000	16		86.400	536.400			536.400	
20	NAN011900985	Nguyễn Thị Ngọc Như		1	110.000	17		340.000	16		86.400	536.400			536.400	
21	NAN011900986	Nguyễn Phương Oanh		1	110.000	16		320.000	15		81.000	511.000			511.000	
22	NAN011900987	Nguyễn Đức Tấn Phát		1	110.000	14		280.000	13		70.200	460.200			460.200	
23	NAN011900988	Vũ Tiến Phát		1	110.000	16		320.000	15		81.000	511.000			511.000	
24	NAN011900989	Trần Mậu Tấn Phát		1	110.000	16		320.000	16		54.000	484.000			484.000	
25	NAN011900990	Phạm Tuấn Phong		1	110.000	17		340.000	16		86.400	536.400			536.400	
26	NAN011900991	Nguyễn Xuân Anh Tú		1	110.000	16		320.000	16		86.400	516.400			516.400	
27	NAN011900992	Nguyễn Phúc Khôi		1	110.000	15		300.000	16		86.400	496.400			496.400	
28	NAN011900993	Nguyễn Thị Phương		1	110.000	15		300.000	15		81.000	491.000			491.000	
29	NAN011900994	Nguyễn Duy Nhật Quang		1	110.000	16		320.000	15		81.000	511.000			511.000	
30	NAN011900995	Trần Mạnh Quang		1	110.000	17		340.000	16		86.400	536.400			536.400	
31	NAN011900996	Trần Minh Triết		1	110.000	17		340.000	16		86.400	536.400			536.400	
Tổng cộng				31	3.410.000	489		9.780.000	430		2.289.600	15.479.600			15.479.600	

Bảng chữ:

....., Ngày tháng năm

Ban Giám Hiệu

Người lập biểu